

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2021

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

2. Bà Hoàng Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T– sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 7, xã R, huyện M, tỉnh Đăk Nông (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H– sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 7, xã R, huyện M, tỉnh Đăk Nông (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn chị Phan Thị T trong quá trình giải quyết vụ án thì: Chị và anh Nguyễn Quốc H kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 02 con chung: cháu Nguyễn Phương Tuệ M, sinh ngày 03/5/2017, cháu Nguyễn Phan Khôi N, sinh ngày 09/8/2019. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc chị làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc H là do anh H làm nghề lái xe nên thường xuyên vắng nhà, do thời gian chung sống cùng nhau không nhiều, anh H có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, chị đã nhiều lần bắt gặp trong tin nhắn điện thoại nhưng do con cái còn nhỏ nên nhiều lần bỏ qua để mong anh H thay đổi nhưng anh H vẫn chứng nào tật nấy, dẫn đến

vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau, không còn niềm tin, tình cảm, hôn nhân không đạt được mục đích, vợ chồng đã ly thân gần 2 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: chị T yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Phan Tuệ M và Nguyễn Phan Khôi N cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành, yêu cầu anh H cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày của bị đơn anh Nguyễn Quốc H trong quá trình giải quyết vụ án thì: Anh và chị Phan Thị T kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Phan Tuệ M, sinh ngày 03/5/2017, cháu Nguyễn Phan Khôi N, sinh ngày 09/8/2019. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Về mâu thuẫn vợ chồng là do chị T nghi ngờ anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng thiếu sự tôn trọng, tin tưởng nhau, anh thường xuyên phải đi làm xa nhưng vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ dần dần hôn nhân không có hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng đã ly thân gần 2 năm nhưng anh không muốn ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Phan Thị T đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Quốc H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T về việc “Ly hôn”. Xử cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan Tuệ M, sinh ngày 03/5/2017, cháu Nguyễn Phan Khôi N, sinh ngày 09/8/2019 cho chị Phan Thị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng: buộc anh Nguyễn Quốc H phải cấp dưỡng cho cháu Tuệ M và Khôi N 750.000đ/tháng/1 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí DSST, buộc bị đơn phải chịu 300.000đ án phí DSST của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1 . Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phan Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Quốc H, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn (anh Nguyễn Quốc H) có đăng ký hộ khẩu và hiện trú tại

thôn 7, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Phan Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Quốc H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Quốc H kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, hôn nhân tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp giải quyết hòa giải, chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ, không đáng có, cả hai đã sống thiếu niềm tin và trách nhiệm đối với nhau khiến cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng, chị T và anh H đều thừa nhận cả hai thường xảy ra mâu thuẫn, do không có sự chia sẻ, đồng cảm, hôn nhân không có hạnh phúc, hậu quả dẫn đến cả hai đã sống ly thân 2 năm. Do vậy, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Tuệ M, sinh năm 2018 và Nguyễn Phan Khôi N, sinh năm 2019; anh Nguyễn Quốc H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Khôi N. Xét nguyện vọng về nuôi con chung của các bên sau ly hôn là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên để đánh giá giao con cho ai nuôi trực tiếp, Hội đồng xét xử cũng cần dựa trên các quy định pháp luật đồng thời đánh giá toàn diện về điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục cũng như về tâm sinh lý, sinh hoạt của các cháu hiện nay để đảm bảo việc nuôi dưỡng, giáo dục các cháu sau khi ly hôn được ổn định.

Anh Nguyễn Quốc H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Khôi N, tuy nhiên tính đến thời điểm xét xử, cháu N chưa đủ 3 tuổi, căn cứ vào Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*.

Xét điều kiện để trực tiếp nuôi con của chị T: Chị T là giáo viên mầm non, có thu nhập ổn định từ lương và các khoản thu nhập khác là 8.000.000đ/tháng, chị là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu từ khi cháu sinh ra, giữa chị T và anh H không có thỏa thuận khác về việc nuôi dưỡng cháu Khôi N. Mặt khác, anh H làm nghề lái xe, thường xuyên vắng nhà, việc gần gũi và chăm sóc cháu từ nhỏ đã không được thường xuyên. Do đó anh H không đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Khôi N.

Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng hai cháu Tuệ M và Khôi N. Do đó, HĐXX nghĩ cần giao các cháu Tuệ M, Khôi N cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị T yêu cầu anh Nguyễn Quốc H cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Xét nhu cầu thực tế về điều kiện của người cấp dưỡng (anh H làm nghề lái xe, thu nhập trung bình 5.000.000đ/tháng) cũng như nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng trong điều kiện hiện nay thì mức cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng là phù hợp. HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T, buộc anh Nguyễn Quốc H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Phan Tuệ M và Nguyễn Phan Khôi N mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí DSST: Chị Phan Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST về việc ‘Ly hôn’, anh Nguyễn Quốc H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 228; khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Tuyên xử:** Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phan Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan Tuệ M, sinh ngày 03/5/2017 và cháu Nguyễn Phan Khôi N, sinh ngày 09/8/2017 cho chị Phan Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Nguyễn Quốc H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Phan Tuệ M, sinh ngày 03/5/2017 và cháu Nguyễn Phan Khôi N, sinh ngày 09/8/2019 mỗi cháu 1.000.000đ/tháng; thời hạn cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí DSST: Chị Phan Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006635; ngày 10/6/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông. Anh Nguyễn Quốc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã R;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Thắng